

Bản án số: 82/2024/DS-ST.
Ngày 09-9-2024.
V/v “Tranh chấp quyền sử
dụng đất”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Chính.
2. Ông Ngô Hoàng Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06, 09 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2024/TLST-DS, ngày 23 tháng 5 năm 2024, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Phúc N, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28/6/2024 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Tăng Văn L, sinh ngày 01/01/1967 (có mặt).

Bà Trần Thị N1, sinh ngày 01/01/1974 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông L: Ông Phạm Minh T, Địa chỉ: ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng - Thực hiện trợ giúp pháp lý theo Quyết định số 318/QĐ-TGPL ngày 08/8/2024 của Trung tâm trợ giúp pháp lý

Nhà nước tỉnh S (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Tăng Khả N2, sinh ngày 06/8/1997 (có mặt).

Địa chỉ: Số C, đường C, Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Sơn L1, sinh ngày 01/01/1966 (vắng mặt).

3. Bà Trần Thị Kim H1, sinh ngày 01/01/1965 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ngân hàng N3.

Địa chỉ trụ sở: Số B, L, phường T, quận B, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Tuấn A (vắng mặt).

Địa chỉ chi nhánh: Số B, đường T, ấp A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 2012, bà và chồng tên Tăng Văn L2 có gửi cho vợ chồng em ông L2 tên Tăng Văn L và Trần Thị N1 số tiền 120.000.000 đồng mua dùm phần đất của bà Q là 03 công tầm cây, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng với giá 09 chỉ vàng 24K/công, 03 công là 27 chỉ, giá vàng 37.000.000 đồng/chỉ tính thành tiền là 99.900.000 đồng. Trong quá trình mua bán, vợ chồng bà có trao đổi với bà Q về việc chuyển nhượng đất (mua đất) và có những người lân cận biết. Sau khi nhận chuyển nhượng thì vợ chồng bà quản lý, sử dụng đất nay. Sau đó vợ chồng bà phát hiện ông Tăng Văn L và bà Trần Thị N1 khi nhận chuyển nhượng đất dùm đã thực hiện thủ tục chuyển tên cho ông L, đồng thời lấy quyền sử dụng đất đi vay tiền tại ngân hàng. Vợ chồng bà nhiều lần yêu cầu ông L mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về làm thủ tục chuyển quyền, ông L hứa nhưng không thực hiện. Đến ngày 18/02/2017 vợ chồng bà yêu cầu áp hòa giải, ông L dự và đồng ý đến cuối năm 2019 sẽ làm thủ tục chuyển trả nhưng vẫn không thực hiện. Bà yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất 03 công mà vợ chồng đã ra tiền mua thuộc thửa đất số 1051, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/8/2024, bà H trình bày yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất thửa số 1051, diện tích thực đo 3.882,2m², tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và bổ sung yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 506077 ngày 01/8/2012 của UBND huyện T cấp cho ông Tăng Văn L, bà Trần Thị N1 đối với phần diện tích 3.882,2m², thửa đất số 1051, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/8/2024, bà Nguyễn Thị H yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 3.882,2m²,

thửa đất số 1051, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng mà vợ chồng bà đã ra tiền nhờ ông L nhận chuyển nhượng đất từ năm 2012 là phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà. Đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 506077 ngày 01/8/2012 của UBND huyện T cấp cho ông Tăng Văn L, bà Trần Thị N1 đối với phần diện tích 3.882,2m², thửa đất số 1051, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/9/2024 và tại phiên tòa, ông Dương Phúc N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày bà Nguyễn Thị H yêu cầu:

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị H, ông Tăng Văn L2 với ông Tăng Văn L, bà Nguyễn Thị H vào năm 2012 theo lời thừa nhận của các bị đơn với phần diện tích 3.882,2m², thửa đất số 1051, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là hợp pháp. Bà H được quyền đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên. Trường hợp không công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên mà nhận thấy hợp đồng chuyển nhượng này vô hiệu thì bà H yêu cầu giải quyết buộc ông L, bà N1 trả số tiền 120.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại tương đương phần trăm lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 506077 ngày 01/8/2012 của UBND huyện T cấp cho ông Tăng Văn L, bà Trần Thị N1 đối với phần diện tích 3.882,2m², thửa đất số 1051, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Công nhận phần đất thửa đất số 02, tờ bản đồ số 1051, diện tích 3.882,2m², tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nhờ ông L, bà N1 mua từ là tài sản chung của bà H và ông L2. Đồng thời yêu cầu chia tài sản chung này, mỗi người là 50% và chia thừa kế theo pháp luật đối với phần tài sản của ông L2 trong phần tài sản chung của vợ chồng, bà H yêu cầu được nhận 02 kỷ phần. Bà H đồng ý nhận hiện vật và trả giá trị cho các đồng thừa kế còn lại.

- Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và bị đơn ông Tăng Văn L trình bày: Vợ chồng ông L, bà N1 có nhận chuyển nhượng đất của ông Trương S, ông Lý Q1 và bà Trần Thị T1 và đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, ông L đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1051, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Sau đó vợ chồng ông L có nhượng lại một phần đất cho ông L2 và bà H là 03 công, thực đo là 3.882,2m². Phần đất nhượng lại đã được vợ chồng ông L giao cho ông L2 và bà H từ năm 2012, hiện bà H không trực tiếp canh tác mà cho thuê. Nay vợ chồng ông L có nhu cầu sử dụng đất, phía bà H không trực tiếp sử dụng đất nên vợ chồng ông L đề nghị nhận lại đất và thanh toán giá trị của phần đất tranh chấp cho bà H là 180.000.000 đồng.

- Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị N1 trình bày: Phần

đất thừa số 1051 của vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông Trương S một phần và của ông Lý O1, bà Trần Thị T1 một phần có làm giấy tay chuyển nhượng đất. Sau đó đã làm thủ tục chuyển quyền cho vợ chồng bà, phần ông L2 có gợi ý muốn mua đất ruộng ở quê nên sau khi vợ chồng bà nhận chuyển nhượng đất xong có hỏi lại ông L2 nếu muốn mua đất thì ông bà để lại cho một phần và ông L2 đồng ý nhận 03 công đất, thanh toán số tiền là 120.000.000 đồng. Bà không đồng ý công nhận đất cho bà H, lý do ông L2 đã chết rồi nên yêu cầu lấy lại đất và trả giá trị lại cho bà H, cùng người thừa kế của ông L2

- Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tăng Khả N2 trình bày: Phần đất tranh chấp theo yêu cầu của bà H là của cha ông và bà H, đây là tài sản chung. Ngoài phần tài sản này thì cha ông và bà H có phần đất nền nhà và căn nhà trên đất đang được bà H quản lý, sử dụng. Vì vậy ông đề nghị thỏa thuận là bà H giao cho ông nhận toàn bộ phần đất tranh chấp này và ông đồng ý giao toàn bộ phần đất nền nhà, căn nhà trên đất cho bà H nhận. Trường hợp bà H không thỏa thuận thì đề nghị giải quyết theo quy định, phần thừa kế ông sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn L1 vắng mặt, quá trình giải quyết có trình bày: Ông thuê đất của bà H làm ruộng, thuê trả tiền hàng năm và không có tranh chấp về tiền thuê đất.

- Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim H1 trình bày: Vợ chồng bà có thuê đất ruộng của bà H, phần đất này bà H đang tranh chấp với ông L. Bà không có ý kiến về phần đất tranh chấp và không yêu cầu giải quyết việc thuê đất giữa vợ chồng bà với bà H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N3 vắng mặt, quá trình giải quyết người đại diện ông Lê Anh T2 có văn bản trình bày: Ngân hàng không yêu cầu giải quyết việc vay nợ, để ông L và gia đình tự trả. Trường hợp ông L và gia đình không thực hiện trả nợ theo hợp đồng, Ngân hàng sẽ khởi kiện yêu cầu gia đình ông Tăng Văn L thanh toán nợ vay.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, do hợp đồng chuyển nhượng không đảm bảo điều kiện theo quy định tại Điều 129, Điều 502 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc trường hợp vô hiệu. Căn cứ quy định tại Điều 117, Điều 129 Bộ luật dân sự xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu là buộc bà H nghĩa vụ trả lại phần đất tranh chấp cho ông L và bà N1. Và ông L, bà N1 có nghĩa vụ giao trả tiền chuyển nhượng đất 120.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho bà H. Xét về thiệt hại, các bị đơn tự nguyện giao trả tiền chuyển nhượng đất và bồi thường thiệt hại tổng cộng

180.000.000 đồng là có lợi cho nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông L, bà N1 về việc giao trả số tiền 180.000.000 đồng cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của bà H là tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị thụ lý, xét xử sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, các đương sự có mặt yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người tham gia tố tụng trên.

[2] Quá trình giải quyết và tại phiên tòa các bên thống nhất phần đất tranh chấp có diện tích thực đo 3.882,2m², thửa đất số 1051, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 506077 của UBND huyện T cấp cho ông Tăng Văn L và bà Trần Thị N1 ngày 01/8/2012 hiện bà H đang trực tiếp quản lý cho vợ chồng ông Sơn L1 thuê canh tác lúa. Đồng thời, các đương sự đều thống nhất giá trị quyền sử dụng đất theo Biên bản định giá tài sản ngày 19/7/2024. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[3] Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên yêu cầu bổ sung về chia tài sản chung của bà với ông L2, đồng thời chia thừa kế tài sản của ông L2. Theo lời khai của bà H, ông L, bà N1 và ông N2 thì hàng thừa kế thứ nhất của ông L2 gồm 02 người là bà H và ông Tăng Khả N2. Trong vụ án ông N2 xác nhận ông L2 còn phần tài sản khác ngoài phần đất tranh chấp và ông sẽ xem xét yêu cầu chia thừa kế sau, việc bà H bổ sung yêu cầu về chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản của ông L là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N2 nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà H.

[4] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 506077 của UBND huyện T cấp ngày 01/8/2012, thì ông ông Tăng Văn L và bà Trần Thị N1 là người được giao quyền sử dụng đất thửa số 1051, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Trong đó phần đất tranh chấp có diện tích 3.882,2m², ông L và bà N1 cho rằng đây là phần đất của ông bà chuyển nhượng lại cho ông L2 và bà H, nay không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H và yêu cầu nhận lại đất, thanh toán giá trị đất cho vợ con ông L2 là 180.000.000 đồng. Bà H không thừa nhận giữa vợ chồng bà và ông L, bà N1 thực hiện giao dịch chuyển nhượng đất mà nó là tài sản của vợ chồng bà nhờ ông L, bà N1 chuyển nhượng dùm. Xét thấy: Khi ông L2 còn sống giữa ông L2, bà H phát sinh tranh chấp yêu cầu ông L và bà N1 thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, sự việc được tổ hòa giải ấp T tiến hành hòa giải, lập biên

bản. Ông L và bà N1 thừa nhận có tham gia hòa giải, ký biên bản. Căn cứ lời trình bày của ông L tại buổi hòa giải cho thấy ông L thừa nhận có mua đất cho ông L2 03 công, giá 01 lượng vàng/công và ông là người đứng tên làm giấy do thời điểm này ông L2 làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh, theo yêu cầu của ông L2 thì ông đồng ý làm thủ tục sang tên nhưng xin thời gian 03 năm. Vì vậy có căn cứ xác định phần đất tranh chấp 3.882,2m², thửa đất số 1051, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là của ông L2, bà H giao tiền cho ông L nhận chuyển nhượng dùm nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H công nhận cho bà và ông L2 được nhận quyền sử dụng phần đất 3.882,2m², thửa số 1051 là có cơ sở. Tuy nhiên ông L2 đã mất nên phần của ông L2 sẽ do người thừa kế của ông L2 là bà H và ông N2 được quyền sử dụng đất.

[5] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 506077 của UBND huyện T cấp ngày 01/8/2012 cho ông Tăng Văn L và bà Trần Thị N1 đối với thửa đất số 1051, diện tích 3.882,2m², tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thì thấy: Theo hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất, ông Tăng Văn L và bà Trần Thị N1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1051 thông qua giao dịch chuyển quyền sử dụng đất bằng hình thức chuyển nhượng được thể hiện tại các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng ông Lý Q1, bà Trần Thị T1, ông Trương S, bà Sơn Thị Sà H2 và bên nhận chuyển nhượng ông Tăng Văn L, bà Trần Thị N1 xác lập ngày 17/4/2012 không phải đất cấp lần đầu. Đối với việc bà H, ông L2 giao tiền cho ông L và bà N1 nhận chuyển nhượng đất dùm là thỏa thuận riêng của hai bên. Vì vậy việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc xác nhận nội dung biến động trong trường hợp thực hiện hợp đồng là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định hành chính cá biệt nên không thuộc trường hợp xem xét hủy theo quy định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Đối với Ngân hàng N3, ông Sơn L1 và bà Trần Thị Kim H1 không tranh chấp giao dịch dân sự về vay tài sản, thuê đất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H được chấp nhận, các bị đơn ông L và bà N1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định giá là 7.871.257 đồng và án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1, 4 Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, 189, Điều 611, Điều 613, Điều 651 Bộ luật dân

sự năm 2015; Khoản 3 Điều 17, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

- Công nhận cho bà Nguyễn Thị H và người thừa kế của ông Tăng Văn L2 là bà Nguyễn Thị H, ông Tăng Khả N2 được quyền sử dụng phần đất 3.882,2m², thửa đất số 1051, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 506077 của UBND huyện T cấp ngày 01/8/2012 do cho ông Tăng Văn L và bà Trần Thị N1.

Phần đất thửa số 1051, diện tích 3.882,2m² có tứ cận: Hướng đông giáp thửa đất số 500, có số đo 2,91m + 19,32m + 11m; Hướng tây giáp kênh thủy lợi (hiện trạng đã lấp), có số đo 32,73m; Hướng nam giáp thửa đất số 498, có số đo 118,10m; Hướng bắc giáp thửa đất số 499 và phần còn lại của thửa số 1051, có số đo 37,98m + 20,61m + 35,01m + 23,70m.

Kèm theo Sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 26/7/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

Bà Nguyễn Thị H và người thừa kế của ông Tăng Văn L2 là bà Nguyễn Thị H, ông Tăng Khả N2 có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quyền sử dụng đất. Buộc ông Tăng Văn L, bà Trần Thị N1 và Ngân hàng N3 – chi nhánh huyện T có trách nhiệm giao bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 506077 ngày 01/8/2012 của UBND huyện T cấp cho ông Tăng Văn L và bà Trần Thị N1 cho cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Tăng Văn L và bà Trần Thị N1 phải chịu là 7.871.257 đồng, số tiền ông L và bà H nộp được hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tăng Văn L và bà Trần Thị N1 phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai